

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 12- 8 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Hùng;

Ông Lê Văn Hứa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST- KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Mg

Địa chỉ trụ sở: thôn V, xã X, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Đ – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh N

Địa chỉ liên hệ: phòng 2.X, tầng X, tòa nhà I, số 4 đường N, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

(Hợp đồng ủy quyền số 0X ngày 01/12/2020)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn M.

Địa chỉ trụ sở: VFI 5-3 lô B20X-B20X đường số 4, khu công nghiệp T, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Y – Giám đốc

(Ông T xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không rõ lý do – đã triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Me (gọi tắt là Công ty Me) và lời trình bày của Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Me trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Vào năm 2019, Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty M) có giao kết hợp đồng mua bán mặt hàng gỗ của Công ty Me thông qua các đơn đặt hàng từ Email trao đổi giữa hai công ty.

Theo đó, Công ty Me đã giao hàng cho Công ty M theo như thỏa thuận. Ngày 01/4/2019 Công ty M có gửi xác nhận “danh sách hàng hóa đã nhận (goods Received Listing ngày 09/9/2019)” thể hiện Công ty M đã nhận 34 đơn hàng của Công ty Me với nội dung tổng số tiền theo các đơn hàng là 11.634.093.114 đồng nhưng Công ty M chỉ thanh toán cho Công ty Me là 11.393.774.460 đồng và còn nợ số tiền 240.318.654 đồng.

Công ty Me đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền trên nhưng đến nay Công ty M vẫn chưa thanh toán và cũng không có ý kiến gì phản hồi nên Công ty Me khởi kiện yêu cầu Công ty M phải thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty Me là 240.318.654 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo thụ lý vụ án cho Công ty TNHH M Việt Nam biết về yêu cầu khởi kiện của Công ty Me nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M Việt Nam không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo quy định của pháp luật nhưng đại diện của Công ty M cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu việc Kiểm sát tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng giữa Công ty Me và Công ty M có giao kết với nhau bằng hợp đồng mua bán mặt hàng gỗ của Công ty Me thông qua các đơn đặt hàng từ Email trao đổi giữa hai công ty. Công ty M có gửi xác nhận “danh sách hàng hóa đã nhận (goods Received Listing ngày 09/9/2019)” thể hiện Công ty M đã đặt và nhận 34 đơn hàng của Công ty Me với tổng số tiền theo các đơn hàng là 11.634.093.114 đồng nhưng Công ty M chỉ thanh toán cho Công ty Me là 11.393.774.460 đồng

và còn nợ số tiền 240.318.654 đồng. Việc Công ty M còn nợ tiền công ty Me là gây ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Me nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” là những tranh chấp được quy định tại theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại năm 2005. Công ty M có địa chỉ trụ sở tại VFI 5-3 lô B20X-B20X đường số 4, khu công nghiệp T, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và áp dụng pháp luật để giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của Công ty Me đề ngày 25/01/2021 thì Công ty Me được xác định là nguyên đơn (có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T), Công ty M là bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện...tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm”. Kể từ ngày 07/8/2019 cho đến nay, Công ty M không thanh toán tiền nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận nên ngày 25/01/2021 Công ty Me khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa vẫn còn.

Pháp luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật dân sự năm 2015 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật thương mại năm 2005 và các văn bản khác hướng dẫn giải quyết tranh chấp.

[1.3]. Về xét xử vắng mặt: ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Ông Y là người đại diện theo pháp luật của Công ty M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và ông Y.

[1.4]. Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh:

Quá trình xem xét, giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Me có cung cấp cho Tòa án “danh sách hàng hóa nhận được - ngày 09/9/2019” đã được dịch thuật; sổ phụ tài khoản của Công ty Me tại ngân hàng Sacombank, chi nhánh B, PGD T (bản chính). Đối với Công ty M không có cung cấp cho Tòa án tài liệu hay chứng cứ gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên nhưng không tiến hành hoà giải được nên ông Nguyễn Văn T đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Xét hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Me với Công ty M, qua các tài liệu, chứng cứ của Công ty Me cung cấp thì thể hiện các bên có giao dịch mua bán hàng hóa là mặt hàng gỗ theo phương thức trao đổi qua Email. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Me đã tiến hành giao hàng cho Công ty M bắt đầu vào ngày 27/01/2019 đến ngày 24/8/2019 với tổng cộng 34 đơn đặt hàng của Công ty M (đơn đặt hàng qua email) với thành tiền 11.634.093.114 đồng.

Xét thấy, Công ty Me đã tiến hành giao hàng hóa cho Công ty M thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng đã giao kết. Mặc dù, không thể hiện hợp đồng không thể hiện bằng văn bản nhưng các có tiến hành giao nhận hàng hóa, cụ thể Công ty Me đã giao hàng hóa đến Công ty M bằng phương tiện xe Cotaniner và được xác nhận bằng phiếu nhập kho có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của công ty M là ông Y – Giám đốc. Theo “Danh sách hàng hóa nhận được – Goods Received Listing” ngày 09/9/2020 được Công ty cổ phần dịch thuật chuyên nghiệp số 1 chứng nhận bản dịch thì Công ty M có Thư điện tử email (ngôn ngữ tiếng Anh) gửi cho Công ty Me xác nhận về các đơn hàng đã đặt với tổng thành tiền 10.576.448.291 đồng chưa bao gồm thuế VAT 10% (1.057.644.831 đồng).

Mặt khác, qua bản sao kê tài khoản của Công ty Me tại ngân hàng Sacombank, chi nhánh B, PGD T thì từ ngày 15/01/2019 đến ngày 06/8/2019 Công ty M đã thanh toán cho Công ty Me với tổng số tiền 11.393.774.460 đồng, còn nợ lại 240.318.654 đồng.

[3.2]. Đối với Công ty M không có ý kiến phản hồi gì về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty Me xem như thừa nhận và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Me là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là phù hợp tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Công ty Me yêu cầu Công ty M thanh toán tiền nợ 240.318.654 đồng là có căn cứ.

[3.3]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Me là có căn cứ nên buộc Công ty M phải thanh toán cho Công ty Me số tiền còn nợ là 240.318.654 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật thương mại năm 2005.

[3.4]. Công ty Me không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí: Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 1 Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Me về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty trách nhiệm hữu hạn M.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Me số tiền 240.318.654 đồng (hai trăm bốn mươi triệu ba trăm mười tám ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng).

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn M chậm trả số tiền trên thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn M phải chịu 12.015.932 đồng (Mười hai triệu không trăm mười lăm ngàn chín trăm ba mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Me đã nộp là 6.008.000 đồng (Sáu triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007458 ngày 03/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đỗ Bình An

